TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2025
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Mai Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 540/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Tú A**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Cảng cá S, khóm A, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc S**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: số D, đường M, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2023 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Phạm Thị Tú A trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc S tự quen biết, yêu thương nhau, bắt đầu chung sống từ năm 2011 nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu chị Tú A và anh S chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2018 thì hai người thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng

quan điểm trong cách sống nên hai người thường hay cự cãi, bắt đầu sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Quốc V, sinh ngày 29/02/2012, hiện đang sống chung với chị Tú A. Chị Tú A yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Tú A cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- Tại biên bản trình bày nguyện vọng lập ngày 12/6/2025, cháu Nguyễn Quốc V có ý kiến: Muốn được sống chung với mẹ là chị Tú A.

- Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử hôm nay, bị đơn – anh Nguyễn Quốc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – chị Phạm Thị Tú A yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn – anh Nguyễn Quốc S nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn – anh Nguyễn Quốc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Phạm Thị Tú A yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn – anh Nguyễn Quốc S.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Chị Tú A xác định chị và anh S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Như vậy, việc xác lập mối quan hệ hôn nhân trên thực hiện không đúng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là không hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam *"về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình"*, quyết định không công nhận chị Tú A và anh S là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Tú A yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Quốc V, sinh ngày 29/02/2012 đến khi thành niên, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này phù hợp ý chí nguyện vọng của con chung và quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản, nợ chung: Chị Tú A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – chị Phạm Thị Tú A.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – chị Phạm Thị Tú A phải chịu nghĩa vụ nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam "về *việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình"*;

- Áp dụng điểm a khoản 5 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Phạm Thị Tú A và anh Nguyễn Quốc S là vợ chồng.

- Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Quốc V, sinh ngày 29/02/2012 cho chị Phạm Thị Tú A chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, do chị Phạm Thị Tú A không yêu cầu anh Nguyễn Quốc S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Tú A xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – chị Phạm Thị Tú A phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà chị Tú A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002895 ngày 09/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên chị Tú A không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân